ĐÀ LỊCH SỬ...

Nguyễn Phương

LTS: Sau khi tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1(108). 2014 đăng bài "Những sai lầm của *Đại Việt sử ký toàn thư*" của Giáo sư Nguyễn Phương (1921-1993), tòa soạn đã nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc muốn tiếp cận nhiều hơn với những công trình khảo cứu có giá trị của các nhà khoa học tên tuổi ở miền Nam trước năm 1975. Tiếp tục công việc này, dưới đây chúng tôi giới thiệu một bài khảo cứu khác của GS Nguyễn Phương, bài này đã đăng trên tập san *Sử địa*, số 1/1966, do một nhóm giáo sư và sinh viên Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn chủ biên. Trong bài viết này, với cách viết súc tích, giàu hình ảnh, GS Nguyễn Phương đã lý giải một cách thuyết phục những yếu tố tạo nên sức mạnh giúp dân tộc Việt Nam đánh bại 4 cuộc chiến tranh xâm lược của Trung Hoa. Từ đó, tác giả đặt ra vấn đề: Trong hoàn cảnh địa chính trị buộc phải đối đầu lâu dài với chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung Quốc, liệu rằng Việt Nam có duy trì mãi được cái đà chiến thắng oanh liệt không? Câu trả lời là CÓ, nếu các nhà lãnh đạo nắm chắc những bài học lịch sử: Không hèn với giặc, không ác với dân, phải củng cố khối đoàn kết dân tộc trên dưới một lòng quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược, thì chẳng những Việt Nam sẽ thắng, mà còn thắng trong những điều kiện vẻ vang nhất. Hơn nửa thế kỷ qua, những vấn đề mà bài viết đặt ra vẫn còn nguyên giá trị.

"Thực ra, lịch sử không phải là một cái gì máy móc, nghĩa là có thể dựa vào đó mà tính toán trước được nó sẽ xảy ra những gì, nhưng cái đà lịch sử là cái đà nguyên nhân đem đến kết quả, và đà đó mạnh như vũ bão. Đà đó, nó đang tiến lên oai hùng, như sức lực của cả nhân loại dồn lại từ bao nhiêu thế kỷ, và bây giờ đây, đang đẩy hiện tại vào bước đường tương lai!".[1]

Và nếu lịch sử chung có cái đà chung, gọi là đà lịch sử như thế, thì lịch sử riêng của một quốc gia cũng phải có một cái đà riêng, nó thúc đẩy, nó hướng dẫn, nó làm cho hiện tại có một lý do và một ý nghĩa, cùng làm cho tương lai thành một hy vọng và một dự trù. Thiết tưởng lịch sử Việt Nam không nằm ra ngoài con đường thường đó.

Nói chung là vậy, chứ đi vào thực tế, hỏi đà lịch sử Việt Nam như thế nào? Đà đang tiến, hay đà đang lùi? Hay chỉ là cái đà đặt ngang không dẫn về đâu? Muốn biết cái đà của lịch sử Việt Nam trong thực tế, tất phải dựa vào lịch sử thực tế của Việt Nam. Chỉ cái đà của lịch sử thực tế - nghĩa là lịch sử thuật lại như thực sự việc đã xảy ra - mới có một bổ ích cho hiện tại và một mối lợi cho tương lai. Nó giống như phóng trình của một khối đá đang lăn. Thấy khối đá, tức là hiện tại, và biết phóng trình của nó, tức là quá khứ, người ta đoán được nó sẽ lăn về đâu, tức là tương lai. Sao thấy và biết được như thế lại là có ích, có lợi? Là vì, thấy và biết như thế, người ta có thể hoặc là tránh đi, khi tránh là tốt hơn, hay là ngăn chặn, khi ngăn chặn là một việc có thể làm và cần thiết, hay quý hơn cả, là điều khiển nó, khi có đủ khả năng và phương tiện để điều khiển. Cưỡi lên được trên sức mạnh của một cái đà để điều khiển nó, bao giờ cũng là một việc hữu ích, không nhiều thì ít, không tích cực thì cũng tiêu cực.

Nhân tiện nên ghi nhận rằng chỉ có thứ lịch sử thực tế nầy mới làm nên được cái đà có một sức mạnh nào, còn các thứ lịch sử tiểu thuyết hóa, hay dệt bằng hoang không, tưởng tượng, không bao giờ có hiệu quả đặt đà, và bởi đó đã không có ích gì mà còn có hại, vì nó làm cho những ai bám vào nó phải hỏng chân, dễ bị vật vờ không biết bạt về đâu.

Dựa vào lịch sử thực tế của Việt Nam, người ta nhận rõ được cái đà mở mang lãnh thổ, như cuộc Nam tiến chẳng hạn, nhưng đồng thời người ta cũng có thể thấy được cái đà cũng có gốc rễ, như cái đà kháng chiến mãnh liệt chống Trung Hoa. Cả hai đều thuộc về một loại gọi là đà bành trướng, bành trướng về chiều rộng ngang và bành trướng về chiều sâu hay nói với hình ảnh, Việt Nam giống như một cây đang lên vừa sum sê cành lá, vừa đâm rễ sâu xuống lòng đất. Trong bài nầy chúng tôi muốn nói đến cái đà thứ hai, tức là sức chống cự Trung Hoa của dân tộc Việt Nam.

Trên nền tảng của lịch sử chúng ta thấy rằng, kể từ khi Việt Nam độc lập, cứ một quãng thời gian khá dài, lối hai ba trăm năm, Trung Hoa lại sang xâm lấn Việt Nam một lần. Lần thứ nhất xảy ra dưới thời nhà Tống, năm 981, lần thứ hai dưới thời nhà Nguyên, năm 1285-1288, lần thứ ba dưới thời nhà Minh, năm 1407-1427, lần thứ tư dưới thời nhà Thanh, năm 1788-1789. Nhưng cũng trên nền tảng đó, chúng ta lại thấy rằng, hễ mỗi lần Bắc quân kéo qua, dù cho đông đảo đến đâu, dù được chỉ huy bởi những cấp tướng cao tài đến bậc nào, dù giấu lý do xâm lược dưới hình thức nào, là mỗi lần người Việt Nam, không chóng thì chầy đã, cầm cự, phản kháng khiến cho lực lượng phương Bắc khi ra đi oai hùng bao nhiêu thì khi rút về lại tơi bời, nhục nhã, bấy nhiêu. Và nói người Bắc bại, cũng là nói người Nam thắng. Có khi họ thắng với Lê Hoàn, có khi với Trần Khánh Dư, Trần Quốc Tuấn, có khi với Lê Lợi, cũng có khi với Quang Trung. Nhưng dù với ai, bao giờ cũng là người Việt Nam chiến thắng.

Nhìn vào hiện tượng vừa nói, chúng ta nhận được rằng đó chỉ là một sự kiện nhưng có hai mặt Bắc là xâm lăng thua lỗ, mặt Nam là kháng chiến vẻ vang. Nếu xâm lăng là một lực lượng, thì kháng chiến cũng là một lực lượng. Sự đối chọi của hai lực lượng bao giờ cũng là một thử thách đòi hỏi hai bên nhiều tiêu tổn. Cả hai phải cố gắng cả sức lẫn trí, cả hai phải liều cả sinh mạng lẫn của cải. Nhưng tiêu tổn mà thất bại mới là uổng phí, còn tiêu tổn mà thành công không thể là không có lợi. Phải chăng mỗi lần chiến thắng Bắc quân là mỗi lần quốc gia Việt Nam đã cứng vững thêm? Quả thế, người Việt Nam, cứ mỗi lần bị lực lượng Trung Hoa lay chuyển, là mỗi lần họ thêm lòng tin tưởng vào vận mệnh đất nước, họ lai láng hòa đồng trong tiếng gọi núi sông. Và lòng tin tưởng đó, sức hòa đồng đó, càng mãnh liệt hơn, khi sức lay chuyển bị ngã thua càng lớn hơn. Như vậy, qua lịch sử gần một nghìn năm lập quốc, sau bốn lần bị thử thách ác liệt mà bao giờ cũng phải thắng, hỏi dân Việt Nam đã có thể tự hào rằng trong tương lai họ sẽ khải thắng mãi chưa? Cái đà kháng chiến vẻ vang họ đạt được kia có bảo đảm bao nhiêu đối với vận mệnh đất nước họ? Để đi đến một câu trả lời hữu ích, chúng ta thử phân tích từng yếu tố.

Đã nói rằng "tiêu tổn mà thất bại là uổng phí", vậy tại sao Trung Hoa đành uổng phí lần nầy rồi lần khác mà vẫn không bỏ mộng xâm chiếm Việt Nam? Họ đeo đuổi như vậy, chắc chắn là vì họ vẫn thấy có hy vọng chiến thắng? Hỏi cái gì đã nuôi hy vọng họ? Sở dĩ họ hăng hái mỗi lần đem lực lượng vượt biên giới qua đất nước chúng ta, đó là vì một số lý do, mà đứng đầu là sự gần gũi về mặt địa lý. Không ai chối cãi sự Trung Hoa là lân bang phía bắc của Việt Nam. Gần gũi tạo nên dễ dàng trên đường qua lại để thân thiện, cũng như qua lại để xâm lăng. Địa lý còn cho thấy điều nầy là diện tích hai nước cách biệt nhau đến mấy mươi lần. Một diện tích lớn đã là một lực lượng không nhiều thì ít, và lực lượng tự nó vẫn muốn bành trướng.

Rồi khuynh hướng muốn bành trướng đó lại được gia tăng bởi sự kiện nhân chủng. Dầu muốn dầu không, người Việt Nam giống người Trung Hoa, và nói cho đúng hơn, thuộc về cùng một gốc với người Trung Hoa. Nhờ đó người Trung Hoa rất dễ dàng trở thành người Việt Nam. Chỉ cần họ bằng lòng làm dân Việt Nam và nói được tiếng Việt, là rất khó mà phân biệt được họ với những người Việt Nam chính cống khác. Chẳng thế mà nhà Trần đã là một triều đại Việt Nam, và Việt Nam thuần túy. Ông tổ của Trần Cảnh lúc đầu còn ở Phúc Kiến sau mới di cư sang làng Tức Mặc. Ông tên là Kinh, "Kinh sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa",(2) cha của Trần Thái Tổ. Thấy người Trung Hoa dễ thành Việt Nam như thế, các nhà cầm quyền Trung Hoa không khỏi nghĩ rằng hiện tượng đó có thể trở ngược lại, nghĩa là người Việt Nam cũng dễ dàng hóa thành Trung Hoa và họ cố thí nghiệm xem. Không hay, nước dễ chảy xuôi, không chảy ngược.

Lại có lý do tâm lý kẻ mạnh. Trung Hoa có lực lượng không phải chỉ vì họ có một diện tích địa lý bao la. Họ mạnh bởi chính sức mạnh về người, về của, về nhân tài. Những khi sức mạnh nầy trở thành súc tích, dư thừa, cùng một lúc tham tâm vô đáy vùng dậy - và ai đâu lại không có tham tâm? - thì khuynh hướng của họ là muốn xâm lăng theo kiểu cá lớn nuốt cá bé. Và đối với Trung Hoa hỏi mồi nào ngon cùng dễ ăn cho bằng Việt Nam? Những lần họ xua quân xâm lăng chúng ta đều là những lần họ có tâm trạng như vừa nói, nhất là vào năm 1284-1285.

Sau hết, phải nói đến cái lý do đáng sợ nhất cho người Việt Nam đó là nội trạng của Việt Nam. Cả mấy lần Bắc xâm, trừ dưới thời nhà Nguyên, đều đã được chính hoàn cảnh Việt Nam mở đường. Đó là những lần Việt Nam suy yếu vì sự kiện ấu chúa quyền thần hoặc thay ngôi đổi chủ. Tấm gương thượng bất chính thường gây nên chia rẽ, hận thù trong giai cấp lãnh đạo, và cơ cực, hỗn độn trong dân gian. Mà hễ sự đổ nát, xáo trộn của Việt Nam càng tàn tệ, thì lòng thèm khát của Thiên triều càng gia tăng. Đó là tình trạng của thời Lê Hoàn thoán đoạt ngôi vị của nhà Đinh, thời Lê Quý Ly tiêu diệt nhà Trần, thời Tây Sơn hoành hành ở thủ đô Đại Việt. Và lịch sử cho biết rằng đó cũng là thời nhà Tống, hay nhà Minh, hay nhà Thanh đem quân đội đến.

Tuy nhiên, giữa những cảnh trạng thê thảm nhất của tình thế, người Việt Nam dù có cảm thấy buồn tủi lầm than, vẫn không bao giờ chán nản, hoặc mất

tin tưởng. Không chóng thì chầy, tùy trường hợp "thượng bất chính" của nội bộ Việt Nam, nhỏ hay lớn, người Việt Nam đã đứng dậy một khi họ nhận rõ được nguy cơ của xã tắc, và đã đứng dậy là họ thắng.

Chúng ta đã thấy họ đứng dậy, cương quyết và hăng say, vào cuối năm Giáp Thân, năm thứ sáu hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông (1284). Sử gia chép, với lòng tự hào lộ ra đầu nét bút:

"Thập nhị nguyệt... Thượng hoàng triệu thiên hạ phụ lão hội vu Diên Hồng giai, tứ thực, vấn kế. Giai viết: Chiến. Vạn nhân đồng thanh như xuất nhất khẩu."(3)

Dịch: "Tháng Chạp... Thượng hoàng (tức Trần Thánh Tông) triệu tập những người lớn tuổi trong nước lại ở điện Diên Hồng, cho ăn tiệc để hỏi kế. Tất cả đều nói: Đánh. Muôn người rập một tiếng như thốt ra bởi một miệng vậy".

Kết quả nầy là bởi đâu? Là bởi bấy giờ trong nước vua tôi đoàn tụ, trên dưới thuận hòa. Kết quả nầy còn là bởi sự vô lý hiển nhiên của việc nhà Nguyên xâm lấn. Các lần khác, Trung Hoa còn vớ được một vài lý do, mặc dầu mong manh, để can thiệp vào nội tình Việt Nam, chứ lần nầy không. Tất cả động cơ xúi giục Thoát Hoan và bè lũ kéo quân đến, chỉ là để thỏa mãn tham tâm chinh phục. Mà tham tâm này, lúc đó, mạnh mẽ biết dường nào. Lúc đó, tiếng hí của ngựa Hồ chẳng những đã xô đổ hết cả sức đối địch trên toàn lãnh thổ Trung Hoa để Nguyên Thế Tổ có thể tuyên bố "Thiên hạ nhất thống", mà còn rung chuyển cả thế giới. Nhưng, trước sức mạnh cuồng bạo nầy, phụ lão và triều đình Đại Việt không nao núng. Nếu không bao giờ vận mệnh Việt Nam nguy ngập cho bằng, thì cũng không bao giờ toàn dân đoàn kết cho bằng. Và Nguyên quân tan nát hai lần liên tiếp... Và đất nước Việt Nam đã hào hùng càng hào hùng thêm... Để lĩnh hội tất cả sự vẻ vang của lần đại thắng nầy, chúng ta hãy đọc một đoạn sử của chính người Trung Hoa chép. Đây lời của *Bắc sử:*

"Nguyên Thế Tổ tức giận vì Chiêm Thành phản phúc thất thường, bèn hạ chiếu phong cho con là Thoát Hoan làm Trấn Nam Vương, có Lý Hằng giúp, để tiến đánh. Vua lại cho rằng An Nam thông đồng với Chiêm Thành, nên ra lệnh cho quân đội giả mượn đường An Nam mà đi. Vua An Nam là Trần Nhật Hằng(*) nói rằng từ nước ông qua Chiêm Thành đường thủy đường bộ đều không tiện, rồi chia quân ra các đạo để chống giữ. Thoát Hoan đến phía bắc sông Phú Lương, đánh lớn với Nhật Hằng và phá được. Nhật Hằng trốn chạy không rõ về đâu. Binh Giao Chỉ tuy bại, nhưng thế càng ngày càng mạnh, còn giữa quân Trung Quốc thì bệnh tật xuất phát, bèn nghĩ đến việc rút về. Bây giờ binh Giao Chỉ đuổi đánh, Lý Hằng trúng tên độc chết. Thoát Hoan thoát được. Năm Bính Tuất (1286), vua xuống chiếu bãi việc chinh phục Nhật Bản để cất đại quân đi đánh An Nam... năm Đinh Hợi (1287), Nguyên Thế Tổ lại xuống chiếu cho Thoát Hoan, cùng bọn A Bát Xích, Phàn Tiếp, sang đánh An Nam, cả thủy lẫn bộ. Quân Nguyên thắng 17 trận rồi đi sâu vào nội địa. Vua An Nam là Nhật

* Nguyên sử chép là 陳日烜 Trần Nhật **Huyên**. Theo tác giả Phạm Văn Ánh trong bài "Khảo biện văn thư ngoại giao của Trần Nhân Tông" *(giacngo.vn)* thì Trần Nhật Huyên là tên của vua Trần Thánh Tông dùng trong các văn thư ngoại giao với nhà Nguyên. Chúng tôi không có cuốn *Bắc sử* của Léon Weiger để đối chiếu nên vẫn giữ nguyên cách đọc của tác giả. BBT.

Hằng bỏ thành ra biển. A Bát Xích nói: "Địch bỏ sào huyệt trốn đi xa, là có ý đợi chúng ta mệt đã mới đánh. Tướng sĩ ta đều người Bắc, trong buổi xuân hạ giao thời chướng khí sẽ nổi lên, đã không đánh được giặc mà lương thực cũng sẽ cùng kiệt. Vậy không thể ở lại lâu hơn". Nhưng bấy giờ Nhật Hằng sai sứ đến xin hàng để triều đình, các tướng đều tin là thật. Chẳng hay đợi mãi không thấy ai đến hàng, mà tướng sĩ phần nhiều đã bị bệnh không đánh được nữa. Lúc đó mới lo việc rút. Nhật Hằng tụ quân ba chục vạn cắt đường về của Thoát Hoan, binh sĩ ông phải vừa đánh vừa đi, đụng độ mỗi ngày đến mươi lần. Địch chiếm các chỗ hiểm yếu bắn tên độc ra. Binh sĩ thì chưa băng bó xong thương tích đã phải chống cự. Phàn Tiếp, A Bát Xích đều chết. Thoát Hoan theo đường rẽ mà về. Nguyên Thế Tổ thấy Thoát Hoan vô công bắt đi làm trấn thủ Dương Châu, suốt đời không cho gặp nữa!".(4)

Ngợi khen tinh thần kháng chiến của người Việt Nam, thiết tưởng không ai thành công hơn tác giả của đoạn sử vừa trích.

Các lần kháng Tống, kháng Thanh, kết quả cũng không kém gì. Nhưng hai lần nầy người dân không phải không gặp khó khăn. Họ đứng trước cảnh tượng thay ngôi đổi chủ và lòng trung quân của họ se lại. Ngoài ra, Lê Hoàn, với những mẩu chuyện thầm vụng chuyên chế ở chỗ cung triều, không phải là một người không đáng trách. Còn Nguyễn Huệ, đối với đại đa số dân Đại Việt, vẫn còn như một người chưa quen biết. Dầu vậy, họ đã xếp lại một bên tất cả những bất đồng nhỏ hẹp để chung lo việc lớn. Lòng trung quân đã nhường chỗ cho lòng ái quốc. Đứng trước nạn mất còn của đất nước, họ đã cùng với những cấp chỉ huy của họ thét lên rằng đất nước họ phải còn, thế là lực lượng xâm lăng tan rã. Theo *Tống sử,* thì sau khi quân Tống thua trận ở Đại Cồ Việt, Tống Thái Tông đã "xuống chiếu giết Lưu Trừng và Giả Thật, ngay trong trại quân, cùng bắt Tôn Toàn Hưng hạ ngục".(5) Đó là số phận những tướng lãnh sống sót, chưa nói đến một số khác bị Việt quân bắt hoặc tử trận. Về cuộc xuất quân của Tôn Sĩ Nghị năm 1788-1789, *Hoàng Lê nhất thống chí* tóm tắt rằng: "Khi quan Tổng đốc chạy trốn về bắc, trong lúc vội vã không thu kịp đồ đạc, rồi đến địa đầu Phượng Nhãn lại được tin là tướng Tây Sơn là Đắc Lộc hầu theo đông đạo kéo quân đến chận, lần nữa hết sức hốt hoảng, trong người mang theo được gì phải vất lại tất cả giữa đường, lo thoát lấy thân. Vì vậy những vật Thanh đế ban cho ông, như sắc thư, cờ hiệu, quân ấn, đều bị người Tây Sơn lượm được đem về".(6) Nếu vị tổng tư lệnh mà điêu đứng đến thế, hỏi số phận binh sĩ còn đến thế nào?

Trường hợp kháng Minh cần phải chú trọng cách riêng, không phải chỉ vì tính cách lâu dài của nó, mà còn vì chính sự xuất hiện của người lãnh đạo, Lê Lợi. Trong lần nầy, tinh thần quốc gia chậm thức tỉnh trong đám đông, đến nỗi Trung Quốc đã có thể tổ chức lại nền thống trị giống như khi Việt Nam chưa độc lập và qua một thời gian hai mươi năm trường. Chúng ta nghĩ sao về hiện tượng đó?

Trước hết không thể nói được rằng dân Việt Nam có một lúc nào đó đã đành chấp nhận quyền đô hộ của phương Bắc. Xét cho đến nơi thì trong thời gian nhà Minh làm chủ Đại Ngu, chỉ có bốn năm, kể từ tháng Chạp năm Quý Tỵ (23/12/1413 đến 21/1/1414), lúc Trùng Quang Đế bị bắt, cho đến ngày 2 tháng Giêng năm Mậu Tuất (7/2/1418), ngày Lê Lợi công khai khởi nghĩa,

là không có những hoạt động kháng chiến quy mô, nhưng không phải là không có hoạt động nào. Chẳng hạn, tháng Chín năm Bính Thân (1416), binh sĩ đã nổi dậy ở huyện Tân An và bị Trương Phụ dẹp tắt. Điều quan hệ là tìm cho biết tại sao sức kháng chiến chậm đạt kết quả.

Lý do đầu tiên là sự độc ác của những kẻ cầm quyền Việt Nam lúc bấy giờ. Lòng độc ác của Lê hay Hồ Quý Ly đối với nhà Trần, nhân dân có lẽ không ai mà không biết. Xây đắp quyền thế nhờ mưu chước hơn là nhờ thực tài, Quý Ly đã ngược đãi một cách phũ phàng cấp trên của ông. Ông đã lừa đảo Trần Nghệ Tông, ông đã giết Trần Thuận Tông, ông đã cướp ngôi Trần Thiếu Đế. Những hành động về loại đó đủ để làm cho sĩ phu khinh thị, nhân tâm ly tán. Hơn thế nữa, họ Hồ không kiêng nể gì toàn dân. Ông đã xướng xuất nhiều cải cách mà người thời đó gớm ghét, ví dụ tăng thuế gấp đôi, gấp ba, lập ra tiền giấy để thâu của, kiểm tra lúa gạo để mua ép với tiền giấy. Ngày nay, nghe tiếng lập ra tiền giấy, có người tưởng rằng cũng có hệ thống giống như trong thế kỷ hai mươi nên vội khen là một sáng kiến cách mạng. Nhưng người thời đó biết rõ hơn: tiền giấy mà không bảo đảm, chỉ là một mưu mô cướp của. Vì thế không lạ gì, khi quân Minh sắp kéo qua, và Quý Ly cùng Hán Thương triệu tập các An phủ sứ về kinh để bàn kế nên hòa hay chiến, Tả Tướng quốc Đăng[*] đã không ngần ngại nói lên sự thật nầy: “Thần không sợ chiến, chỉ sợ lòng dân không theo mà thôi”.[7] Mà lòng dân đã không theo thật, và lòng dân không theo là hỏng hết. Họ không theo, không phải là họ không yêu nước, nhưng là để chứng rằng họ không chấp nhận những nhà lãnh đạo bất nghĩa, bất nhân.

Cấp lãnh đạo nầy còn tỏ ra hèn nhát, kém mưu, vô trách nhiệm, đó là lý do thứ hai. Tháng 10 năm Quý Vị (1403), có một số nhà sư Việt,[**] trước kia đã được gửi sang Trung Quốc, nay làm sứ nhà Minh trở về dò thám tình hình, và nhân tiện cho thân thuộc biết phải tự vệ làm sao phòng khi quân Minh xâm lấn, họ Hồ đã không lợi dụng được bọn thân thuộc đó để nhờ các nhà sư gây ảnh hưởng nơi Minh triều, lại đem họ giết đi, khiến các sứ giả mang hận thù đối với Đại Ngu. Lại thấy nhà Minh mạnh, họ Hồ sợ sệt đem mồi đến đút. Thật vậy, đầu năm Ất Dậu (1405), nhà Minh đòi lấy vùng Lộc Châu của Lạng Sơn. Quý Ly liền đặt quan Hành khiển Hoàng Hối Khanh làm cát địa sứ, cắt 59 thôn giao cho. Tháng Tư năm Bính Tuất (1406), lấy cớ đem Trần Thiêm Bình về nước, Minh đế cho một đạo quân nhỏ sang. Nhờ bố trí sẵn, Hồ Xạ [tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực nhà Hồ. BBT] chặn đường Minh quân, bắt được một số. Đáng lẽ Quý Ly dùng những người đó làm giá đổi lấy hòa bình, thì không, ông đem họ phân tháp vào Nghệ An, rồi sai sứ sang Minh cầu hòa. Như vậy, nào có lạ gì khi thấy Minh triều giữ sứ lại và cất đại quân đi xâm chiếm. Rồi, vào cuối năm, địch đến thật, thì cha con họ Hồ, mặc dầu đã chuẩn bị lâu, nhất

---

* Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 211 thì đây là Tả Tướng quốc *Trừng* [tức Hồ Nguyên Trừng, con trai cả của Hồ Quý Ly]. Sử thần Ngô Sĩ Liên đã bình câu nói của Hồ Nguyên Trừng như sau: “Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trừng hiểu được điều cốt yếu đó. Không thể vì cớ là họ Hồ mà bỏ câu nói của Trừng”. BBT.

** Theo *Toàn thư*, Sđd, tr. 206-207, đây là các nội quan [hoạn quan] người Việt, gồm Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín. BBT.

là ở Đa Bang, cũng phải thất bại trận nầy đến trận khác. Quân của Trương Phụ lấy Việt Trì ngày 2 tháng Chạp, ngày 9 tháng đó, viên tướng ở đồn Mộc Phàm [*Toàn thư*, Sđd, tr. 215 dịch là Mộc Hoàn. BBT], Nguyễn Công Khôi, còn "phương dĩ nữ sắc tự ngu",[8] [lấy nữ sắc làm vui. BBT] nên để bị địch tấn công không kịp trở. Thế là, ba ngày sau, chính thành Đa Bang thất thủ (ngày 12 tháng Chạp, tức ngày 20/1/1407). Từ đó Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương lưu lạc để không lâu sau bị giặc bắt, cha ở cửa Chỉ Chỉ ngày 11 tháng 5 năm Đinh Hợi[*] (16/6/1407), và con, ngày hôm sau, ở núi Thiên Cầm,[*] tại Kỳ La.

Dân thù ghét cấp lãnh đạo, rồi chính cấp lãnh đạo thiếu can đảm và chủ bại, thế đã đủ cho vận nước ngửa nghiêng. Đang lúc đó, nếu lực lượng xâm lăng khôn khéo nữa, là đà trôi xuôi tất có thể phóng xa. Mà nhà Minh, trong mưu mô thôn tính Đại Ngu, đã tỏ ra rất khôn khéo, khôn khéo đến ranh mãnh. Lợi dụng thế yếu của nhà Hồ, họ mạnh mẽ phô trương danh nghĩa phò Trần. Vừa đến nơi là họ lấy những mảnh ván nhỏ, viết vào trên đó cả tội ác của Quý Ly, cả chủ trương khôi phục triều đại chính thống của họ rồi thả xuống sông cho trôi về vùng đông dân cư ở châu thổ. Vì đã bị đàn áp quá, dân chúng dễ dàng tin theo những lời lẽ đượm mầu chính nghĩa. Sau, khi đã làm chủ được tình hình về mặt quân sự, họ bày trò mua lòng quan lại và sĩ phu. Được mơn trớn, các quan Đại Ngu đã tuyên bố dòng dõi nhà Trần không còn và yêu cầu nhà Minh cai trị. Để cho giới Nho học bằng lòng, họ đã xây Văn Miếu, xây đền Xã Tắc, lập học hiệu, tuyển người vào Quốc Tử Giám. Đồng thời với những hoạt động đầy hậu ý lừa bịp đó, họ lại tổ chức một hệ thống kiểm soát chặt chẽ, nào là phân chia phủ huyện theo lối Trung Quốc, nào là lập hộ thiếp, nào là kiểm tra dân đinh. Họ ru ngủ để dễ đặt kềm kẹp vào, và một khi kềm kẹp đặt xong, người mình tỉnh dậy muốn gỡ đi thật là một việc khó.

Sau hết, phong trào kháng chiến chậm thành công, còn tại nguyên do nầy nữa, là những kẻ đứng ra lãnh đạo kháng chiến thiếu uy tín và khả năng. Ai cũng biết lòng dân có theo, mới làm gì được. Mà lòng dân là một tiềm lực cần phải kích động dậy. Tiềm lực đó lại tản mạn, cần phải được tập trung. Sự tập trung nầy, bình thời, đã buộc phải có một sức thu hút khá lớn mới thành, huống hồ là khi kẻ thù đã giăng bủa chướng ngại khắp nơi. Bởi đó, những động cơ thông thường thế tất không có hiệu lực. Vậy mà các nhân vật như Trần Ngỗi, Trần Quý Khoách không thể tung ra gì khác ngoài những động cơ thông thường. Nêu lên trước mặt quốc dân, tất cả giá trị của họ chỉ là sự đồng huyết thống với một dòng họ đế vương đã bị mai một một cách oan ức. Bị oan mà tìm cách minh oan không phải không có người hưởng ứng. Nhưng tiếng minh oan sau bảy năm bị tắc nghẽn, tự nó đã yếu ớt, huống hồ càng không thể trở thành tiếng gọi đàn. Hơn nữa, nó còn bị ghìm đi giữa bao tiếng gào thét khác của một địch thủ đang nắm ưu thế. Cho nên không bao lâu, tiếng minh oan đã tỏ ra ấp úng, và Giản Định Đế bị Trương Phụ bắt vào tháng 7 năm Kỷ Sửu (11 tháng 8 đến 8 tháng 9/1409). Trùng Quang Đế cũng diễn lại cùng một màn và cũng đã bị bắt vào tháng Chạp năm Quý Tỵ (23 tháng 12/1413 đến 21 tháng 1/1414).

---

* Nguyên bản in nhầm là năm *Bính Tỵ*... núi Thiên *Cẩm*, chúng tôi sửa lại như trên. *Toàn thư*, Sđd, tr. 218 chép Hán Thương bị bắt ở núi Cao Vọng và chú thuộc Kỳ Anh, Hà Tĩnh. BBT.

Nhưng, với thời gian, lớp nhung lừa bịp bọc ngoài bàn tay sắt của chính sách đô hộ đã bị mòn thủng, để lộ ra cả tính chất bạo tàn bỉ ổi của nó. Nào là người Minh bắt phu đi các công trường lọc vàng bạc, vào núi tìm voi trắng, xuống biển mò ngọc trai, nào là họ giữ độc quyền bán muối, đòi thuế má nặng nề. Họ lại bắt dân thay đổi y phục, cùng thu thập di sản văn hóa đem về Trung Hoa, nhất là bắt lính, ở vùng Bắc mỗi hộ ba đinh, ở vùng Trung mỗi hộ hai. Chẹt chân, dân Đại Ngu phải hả miệng. Nhưng miệng hả để than trách kêu gào còn có phần dễ, chứ chân đã bị chèn chẹt chặt trong xiềng xích ngoại bang, muốn rút ra, tất phải nát thịt trầy xương. Và Lê Lợi đã liều thân gánh vác công việc rút thoát nầy cho đồng bào.

Biết công việc cần phải dài lâu, ông một lòng kiên quyết. Khởi nghĩa tự Lam Sơn, ông liền phải trốn tránh giữa muôn nghìn gian khổ rồi lại trở về Lam Sơn. Lần thứ nhất, ngày 4 tháng 4, năm Mậu Tuất (9/6/1418), ông trở về nhờ sự xả thân của Lê Lai, lần thứ hai, vào tháng 7 năm đó, nhờ quân Minh đợi lâu ngày phải rút đi, lần thứ ba, ngày 7 tháng 4 năm Quý Mão (16/5/1423) nhờ điều đình. Kinh nghiệm của năm năm đấu tranh cho thấy rằng Lam Sơn không phải là địa lợi ông không ngần ngại dời vào Nghệ An. Quả thế, đúng như kế hoạch, tại Nghệ An, dân đón rước ông, địch thua và đầu hàng ông, ông vây lấy lực lượng địch trong thành để tiện việc tuyên dương thanh thế. Rồi thấy một số dân sở dĩ lừng khừng, không chịu ủng hộ công cuộc giải phóng, chỉ vì chưa thấy rõ chính nghĩa của việc ông làm, ông liền đặt một người họ Trần lên làm vua. Tại Nghệ An, vào tháng 11 năm Ất Tỵ (1425), nghĩa là đang khi chuẩn bị tấn công Đông Quan và cố nhiên là lúc cần đến sự nâng đỡ của đại chúng nhất, ông cho Trần Tung(*) lên ngôi, lấy hiệu là Thiên Khánh, đóng ở Ngọc Ma.

Không cần phải nói là sau cử chỉ khôn khéo đó, sĩ phu khắp nơi hăng hái giúp ông. Dầu vậy, đã không tự mãn, ông luôn luôn cẩn thận, dùng mọi mưu lược để chiến thắng. Trước sức cứu viện khổng lồ của địch đang kéo tới, tướng sĩ giục ông đánh Đông Quan rồi hẳn trở lại đương đầu với sức cứu viện. Lê Lợi không nghe. Ông thừa biết Đông Quan thành trì kiên cố. Nếu đánh, lỡ mà chiến cuộc kéo dài, tất sẽ bị địch thúc cả đàng trước lẫn đàng sau. Và khi ông định đánh lực lượng cứu viện trước, ông còn biết phân biệt. Liễu Thăng, từ Quảng Tây sang, còn trẻ, rất hăng, tất sẽ có nhiều sơ hở. Ông truyền cho tướng sĩ sẵn sàng để thừa cơ, và cơ hội đã đến thật với trận Chi Lăng oanh liệt. Còn Mộc Thạnh già, tất cẩn thận và tiến chậm, lệnh của ông cho các thủ hạ chận đường Vân Nam là khoan đánh, hẳn kỹ lưỡng dò tình hình. Kết quả là chưa đánh Mộc Thạnh đã chạy, vì nghe tin Liễu Thăng thua. Cũng thế, không đánh mà Đông Quan cũng hàng.

Sự xuất hiện của Lê Lợi trên chiến trường Việt Nam là sự xuất hiện của một vị cứu tinh kiên gan, khôn khéo, và can đảm, mưu lược. Nhờ kiên gan, khôn khéo, ông đã kích động và quy tụ được tiềm lực kháng chiến của nhân dân, nhờ can đảm, mưu lược, ông đã toàn thắng được giặc mạnh. Nhưng sự xuất

---

* Nhân vật này nguyên tên là Trần *Cảo* (Xem *Toàn thư*, Sđd, tr. 261), đến thời Nguyễn do kỵ húy nên đổi thành Trần *Cao*. BBT.

hiện của Lê Lợi không phải nói lên chỉ có thế. Nó còn chứng minh tính cách tự tồn cố hữu của quốc gia Việt Nam. Quả thế, Lê Lợi chính là sản nhi của tinh thần kháng chiến luôn luôn hoạt động trong mọi người dân Việt. Ông không phải như các vị anh hùng khác đã chống đánh Trung Hoa. Khi nhà Tống kéo quân sang, Lê Hoàn đã là Thập đạo tướng quân. Khi Thoát Hoan, Ô Mã Nhi, ồ ạt đến, Trần Quốc Tuấn đã là Hưng Đạo Vương, Trần Khánh Dư đã là Nhân Huệ Vương. Khi Tôn Sĩ Nghị vào Thăng Long với Lê Chiêu Thống, Nguyễn Huệ đã là Quang Trung cai trị một phần đất nước. Các vị nầy đã là những nhà lãnh đạo mang nặng nợ cơm áo với non sông. Chứ Lê Lợi thì không. Khi quân Minh đặt nền đô hộ, ông chỉ là một nạn nhân như muôn nghìn nạn nhân khác ở các xóm làng miền duyên sơn hay châu thổ. Cái làm cho ông nổi dậy, không phải trách nhiệm hiện tại đối với vua hay đối với dân, mà chính là ý chí quật cường của một quốc gia độc lập. Ý chí nầy đã thúc đẩy ông, đã nâng đỡ ông, đã uốn nắn ông, đã đem ông lên đài khải thắng. Là vì quốc gia Việt Nam phải khải thắng để tự tồn và trường tồn. Để nói lên sự đặc biệt của vai trò Lê Lợi, thủ hạ ông, trước khi tiến ra Đông Quan, đã xưng ông là Đại Thiên Hành Hóa. Họ có ý nêu lên rằng ông không dựa vào uy thế của một triều đại nào, mà dựa vào chính mệnh Trời, để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Nhưng, đúng hơn, có lẽ phải xưng ông là Đại Việt Hành Hóa, vì nơi ông đã thể hiện tất cả tính cách bất khuất của nước non nhà.

Đến đây chúng ta đã gặp được những yếu tố cần thiết để trả lời câu hỏi đặt ra trên, ý rằng: Lịch sử có cung cấp cho Việt Nam cái đà khải thắng mãi không? Nếu với Lê Hoàn, với Trần Khánh Dư, Trần Quốc Tuấn, với Nguyễn Huệ, chúng ta đã có thể nói có, thì với Lê Lợi chúng ta càng có thể chắc chắn như vậy. Lịch sử Việt Nam là lịch sử có chiều rộng lại có chiều sâu. Vì cây Việt Nam không phải chỉ xanh hoa tốt lá, mà còn mập gốc, chắc rễ. Kết luận về thời Khai sinh của Việt Nam, chúng tôi đã viết: "Nền độc lập của cổ Việt đã được hoàn thành trong êm đẹp của thời bình nên nước Việt Nam chẳng khác gì một quả chín rụng ra khỏi cây mẹ để tự sống một cuộc đời riêng, mang đầy đủ sinh lực trong chính mình".(9) Khi một cây đã mang đầy đủ sinh lực trong chính mình, và đã có gốc mập rễ sâu, thì một cành có thể bị gẫy, và, vạn nhất, thân cây có thể bị đốn, nhưng cây không sao chết được. Tự gốc nó, người ta sẽ thấy mầm nẩy lên và cây sống lại...

Trở lên là ôn cố...

Nhưng ôn cố để tri tân...

Ngày mai của Việt Nam như thế nào?

Muốn biết, cứ đem cái đà lịch sử vừa phân tích so sánh với thực trạng ngày nay, ở Trung Hoa... ở Việt Nam...

Một điều có thể chắc được, là nếu các nhà lãnh đạo hiện thời nắm chặt dây cương lịch sử, thì chẳng những Việt Nam sẽ thắng, mà còn thắng trong những điều kiện vẻ vang nhất.

N P

CHÚ THÍCH

(1) Nguyễn Phương, *Phương pháp sử học,* Đại học Huế, 1964, tr. 191.

(2) Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư,* Bản kỷ, quyển 5, tờ 1a.

(3) *Đại Việt sử ký toàn thư,* Bản kỷ, q. 5, tờ 44a.

(4) Léon Weiger, *Bắc sử,* tập 2, Hien Hien, 1929, tr. 1.703.

(5) *Tống sử,* trong bộ *Nhị thập ngũ sử,* Hương Cảng văn học nghiên cứu xã, 1959, quyển 4, cột 1, tr. 4.503.

(6) Ngô Thời Chí, *Hoàng Lê nhất thống chí,* vi ảnh của Viện Khảo cổ, ký hiệu A 220.

(7) *Đại Việt sử ký toàn thư,* Bản kỷ, quyển 8, tờ 49b.

(8) *Đại Việt sử ký toàn thư,* Bản kỷ, quyển 8, tờ 53b.

(9) Nguyễn Phương, *Việt Nam, thời Khai sinh,* Đại học Huế, 1965, tr. 335.

TÓM TẮT

Bài viết phân tích khái quát sức chống cự Trung Hoa của dân tộc Việt Nam thể hiện qua 4 lần Trung Hoa xâm lược Việt Nam vào các năm 981, 1285-1288, 1407-1427 và 1788-1789. Thực tế lịch sử chứng minh, kể từ khi Việt Nam độc lập, Trung Quốc chưa bao giờ từ bỏ dã tâm xâm lược và đồng hóa dân tộc Việt Nam, mỗi khi có cơ hội và điều kiện thuận lợi. Nhưng hễ mỗi lần đem quân xâm lược Việt Nam, dù có binh hùng tướng mạnh, dù có mưu sâu kế hiểm, thì cuối cùng Trung Quốc vẫn thất bại thảm hại. Dân tộc Việt Nam đã đứng vững trước những cuộc xâm lăng tàn bạo của Trung Quốc, là nhờ ý chí bất khuất, nhờ biết đoàn kết trên dưới một lòng, nhờ những cá nhân kiệt xuất biết dựa vào dân và phát huy được sức mạnh của cả dân tộc để đánh đuổi kẻ thù chung. Cứ sau mỗi lần chiến thắng, dân tộc Việt Nam lại tạo đà củng cố nền độc lập tự chủ một cách vững chắc.

Từ thực tế lịch sử ấy, tác giả đặt vấn đề: Trong hoàn cảnh địa chính trị phải đối đầu lâu dài với chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung Quốc, liệu rằng Việt Nam có duy trì mãi được cái đà chiến thắng oanh liệt ấy không? Câu trả lời từ lịch sử là CÓ, nếu các nhà lãnh đạo Việt Nam biết phát huy các bài học lịch sử, thì chẳng những Việt Nam sẽ thắng, mà còn thắng trong những điều kiện vẻ vang nhất.

ABSTRACT

MOMENTUM OF HISTORY...

The paper generally analyzes Vietnamese resistance against China during four Chinese invasions of Vietnam in the years of 981, 1285-1288, 1407-1427 and 1788-1789. Historical facts prove that, since Vietnam became independent, China has never abandoned its wicked intentions to invade and assimilate the Vietnamese people whenever there were opportunities and favorable conditions, but each time China invaded Vietnam it was utterly defeated despite powerful army and talented commanders. The Vietnamese people always stood firm against China's brutal invasions thanks to the indomitable will, wholehearted solidarity and preeminent leaders who relied on their people and promoted the strength of the whole nation to drive away the public enemy. Just after each victory, the Vietnamese people strengthened the independence firmly.

From those historical facts, the author calls into question whether Vietnam always maintains the momentum of its resounding victory or not in the geopolitical situation frequently confronting Chinese hegemony and expansionism. The answer drawn from history is YES if Vietnamese leaders know how to make use of history lessons, then Vietnam will surely win any war in the most glorious conditions.